



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 50.275.....
	Giờ..... Ngày 17 tháng 8 năm 13.....

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại số 68 Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2013 gồm:

- Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điếu, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê: máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh)
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lác nộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt; mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai các dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quảng lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình)
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Bà Phạm Thủy An	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Châu Minh Đạt	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phúc Toại	Tổng Giám đốc
Ông Châu Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Long An, ngày 23 tháng 8 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI



Số: 14.179/BCSX-2013

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 30 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2013



TĂNG QUỐC THẮNG
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

DIỆC LỆ BÌNH
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1714-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		306.090.671.010	365.614.084.746
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		392.126.313	643.147.175
1. Tiền	111	5.1	392.126.313	643.147.175
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	272.124.095.014	330.632.792.975
1. Phải thu khách hàng	131		31.339.122.554	32.462.134.857
2. Trả trước cho người bán	132		13.025.459.632	14.628.878.930
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		228.865.457.713	285.324.779.073
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.105.944.885)	(1.782.999.885)
IV. Hàng tồn kho	140		33.416.183.571	34.093.071.612
1. Hàng tồn kho	141	5.3	33.416.183.571	34.093.071.612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		158.266.112	245.072.984
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.952.098	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.500.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		146.314.014	243.572.984

(Phần tiếp theo trang 06)

102005
 CÔNG
 NIỆM
 M T C
 T
 HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		925.639.412.088	741.094.156.968
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.296.891.123	21.648.194.465
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	10.744.125.969	12.041.929.309
+ Nguyên giá	222		29.868.256.695	29.868.256.695
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.124.130.726)	(17.826.327.386)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	4.672.333.308	4.725.833.310
+ Nguyên giá	228		5.360.300.000	5.360.300.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(687.966.692)	(634.466.690)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	4.880.431.846	4.880.431.846
III. Bất động sản đầu tư	240	5.7	23.226.638.961	23.532.558.771
+ Nguyên giá	241		26.420.882.816	26.420.882.816
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.194.243.855)	(2.888.324.045)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	877.098.108.439	692.386.724.024
1. Đầu tư vào công ty con	251		545.000.000.000	560.348.615.585
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		133.125.000.000	133.065.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		200.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1.026.891.561)	(1.026.891.561)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.017.773.565	3.526.679.708
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	404.655.128	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	4.613.118.437	3.526.679.708
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.231.730.083.098	1.106.708.241.714

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		710.735.394.952	582.423.590.964
I. Nợ ngắn hạn	310		700.492.252.406	571.785.248.418
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	328.535.774.010	348.959.131.196
2. Phải trả người bán	312	5.12	36.835.673.048	13.448.715.162
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	19.828.358.247	20.797.268.741
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	8.678.198.511	4.524.892.105
5. Phải trả người lao động	315		280.924.241	525.745.503
6. Chi phí phải trả	316	5.14	20.944.408.260	20.525.699.732
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	266.605.114.427	142.428.837.233
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18.783.801.662	20.574.958.746
II. Nợ dài hạn	330		10.243.142.546	10.638.342.546
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.16	656.898.000	656.898.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.17	9.586.244.546	9.981.444.546
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		520.994.688.146	524.284.650.750
I. Vốn chủ sở hữu	410		520.994.688.146	524.284.650.750
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.640.561.505	19.625.260.797
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.839.181.571	16.826.941.005
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		48.261.095.070	51.578.598.948
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.231.730.083.098	1.106.708.241.714

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		4.574,91	3.566,33
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Long An, ngày 08 tháng 07 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ CẨM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM PHÚC TOẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	56.002.774.470	21.166.606.690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	1.664.308.311	246.574.286
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	54.338.466.159	20.920.032.404
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	54.266.260.387	20.257.733.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.205.772	662.298.738
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	18.782.446.661	56.830.081.672
7. Chi phí tài chính	22	6.4	18.161.208.168	22.381.034.015
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		14.730.974.075	19.213.535.431
8. Chi phí bán hàng	24		8.382.860	12.700.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	5.489.977.791	6.046.795.768
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.804.916.386)	29.051.850.627
11. Thu nhập khác	31		605.873.069	249.786.582
12. Chi phí khác	32		146.711.600	-
13. Lợi nhuận khác	40		459.161.469	249.786.582
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.345.754.917)	29.301.637.209
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.7	(1.086.438.729)	(10.449.507)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.259.316.188)	29.312.086.716

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ CẨM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 08 tháng 07 năm 2013



PHẠM PHÚC TOẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.345.754.917)	29.301.637.209
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.657.223.152	1.853.793.107
Các khoản dự phòng	03		(677.055.000)	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.302.808.799	(1.184.525.115)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.564.735.733)	(66.603.210.388)
Chi phí lãi vay	06		14.730.974.075	19.213.535.431
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(4.896.539.624)	(17.418.769.756)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.833.161.778)	(411.444.432.612)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		676.888.041	879.289.931
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		148.625.028.463	36.205.578.031
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(404.655.128)	39.677.433
Tiền lãi vay đã trả	13		(12.716.376.252)	(19.037.466.930)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		30.601.416	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.821.758.500)	(378.069.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		110.660.026.638	(411.154.193.703)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(170.347.842.717)	(87.903.293.888)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		82.361.930.112	487.426.066.300
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(60.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.985.534	11.385.727.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(88.040.927.071)	410.908.499.512

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		152.523.069.990	552.910.724.037
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(175.388.577.756)	(529.034.245.135)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.000)	(26.508.120.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.865.552.766)	(2.631.641.098)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(246.453.199)	(2.877.335.289)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		643.147.175	3.282.687.395
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.567.663)	(31.566)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		392.126.313	405.320.540

Long An, ngày 08 tháng 07 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU



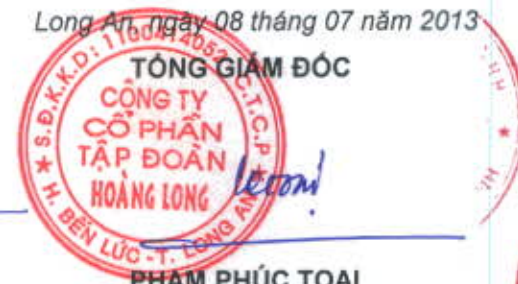
NGUYỄN THỊ CẨM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
 PHẠM PHÚC TOẠI



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02/12/2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/6/2013 gồm:

- Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điếu, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê: máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh)
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt; mua bán chuyển nhượng câu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai các dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quảng lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình)
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại.
2. **Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
 - 2.1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.
 - 2.2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.
 3. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
 - 3.1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
 - 3.2. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.
 - 3.3. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.
 4. **Các chính sách kế toán áp dụng**
 - 4.1. **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.
 - 4.2. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.
 - 4.3. **Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**
 - Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.
 - Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 50 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20 năm
------------------------	-------------

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập và sử dụng các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí đã phát sinh cho phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán/đánh giá phần công việc đã hoàn thành/tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.13. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản phải trả dài hạn khác, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	256.897.889	124.130.477
Tiền gửi ngân hàng	135.228.424	519.016.698
Tổng cộng	392.126.313	643.147.175

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	31.339.122.554	32.462.134.857
Trả trước cho người bán	13.025.459.632	14.628.878.930
Các khoản phải thu khác	228.865.457.713	285.324.779.073
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	273.230.039.899	332.415.792.860
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.105.944.885)	(1.782.999.885)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	272.124.095.014	330.632.792.975

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu về hoạt động thương mại	6.787.400.923	7.103.606.346
Phải thu về hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	24.551.721.631	25.358.528.511
Cộng	31.339.122.554	32.462.134.857

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Trả trước cho người bán được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước tiền nhập khẩu nguyên vật liệu mì lát	7.700.000.000	6.000.000.000
Trả trước tiền mua cá basa nguyên liệu	-	6.215.000.000
Trả trước tiền mua nguyên liệu và thi công công trình	5.042.549.930	2.066.368.930
Các khoản trả trước khác	282.909.702	347.510.000
Cộng	13.025.459.632	14.628.878.930

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu nội bộ các công ty con và công ty liên kết – <i>xem thêm mục 7</i>	199.678.760.907	280.947.509.104
Phải thu tiền cho Công ty Tấn Điền tạm mượn	1.580.849.571	1.580.849.571
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.175.809.237	1.230.224.437
Phải thu Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy – <i>xem thêm mục 7</i>	542.000.000	542.000.000
Phải thu tiền cho Công ty Cadovimex tạm mượn	21.266.044.400	-
Phải thu tiền cho Công ty TNHH An Thịnh tạm mượn	760.000.000	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	2.424.135.158	-
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa	926.445	-
Các khoản phải thu khác	1.436.931.995	1.024.195.961
Cộng	228.865.457.713	285.324.779.073

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.144.933.542	3.178.031.963
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.710.543.963	3.711.587.463
Thành phẩm	541.898.473	452.366.037
Hàng hóa	27.018.807.593	26.751.086.149
Cộng giá gốc hàng tồn kho	33.416.183.571	34.093.071.612
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	33.416.183.571	34.093.071.612

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	9.175.254.924	2.971.050.606	14.662.594.040	2.633.757.125	425.600.000	29.868.256.695
Số dư cuối kỳ	9.175.254.924	2.971.050.606	14.662.594.040	2.633.757.125	425.600.000	29.868.256.695
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.609.495.528	2.322.808.428	9.870.892.933	2.597.530.497	425.600.000	17.826.327.386
Khấu hao trong kỳ	246.463.349	149.118.138	892.533.823	9.688.030	-	1.297.803.340
Số dư cuối kỳ	2.855.958.877	2.471.926.566	10.763.426.756	2.607.218.527	425.600.000	19.124.130.726
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	6.565.759.396	648.242.178	4.791.701.107	36.226.628	-	12.041.929.309
Tại ngày cuối kỳ	6.319.296.047	499.124.040	3.899.167.284	26.538.598	-	10.744.125.969

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.288.258.988 đồng

(Xem tiếp trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.350.000.000	10.300.000	5.360.300.000
Số dư cuối kỳ	5.350.000.000	10.300.000	5.360.300.000
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	624.166.690	10.300.000	634.466.690
Khấu hao trong kỳ	53.500.002	-	53.500.002
Số dư cuối kỳ	677.666.692	10.300.000	687.966.692
Tại ngày đầu năm	4.725.833.310	-	4.725.833.310
Tại ngày cuối kỳ	4.672.333.308	-	4.672.333.308

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.300.000 đồng.

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Mua sắm thiết bị cho hệ thống nước thải Long Cang	173.218.403	173.218.403
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.628.173.443	4.628.173.443
Khác	79.040.000	79.040.000
Tổng cộng	4.880.431.846	4.880.431.846

5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà An Dương Vương	Nhà kho	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	17.340.160.000	5.579.200.706	3.501.522.110	26.420.882.816
Số dư cuối kỳ	17.340.160.000	5.579.200.706	3.501.522.110	26.420.882.816
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	1.512.703.543	1.375.620.502	2.888.324.045
Khấu hao trong kỳ	-	139.480.020	166.439.790	305.919.810
Số dư cuối kỳ	-	1.652.183.563	1.542.060.292	3.194.243.855
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	17.340.160.000	4.066.497.163	2.125.901.608	23.532.558.771
Tại ngày cuối kỳ	17.340.160.000	3.927.017.143	1.959.461.818	23.226.638.961

Giá trị còn lại của các tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay là 21.267.177.143 đồng – xem thêm mục 5.11

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	545.000.000.000	560.348.615.585
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	133.125.000.000	133.065.000.000
Đầu tư dài hạn khác	200.000.000.000	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	878.125.000.000	693.413.615.585
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.026.891.561)	(1.026.891.561)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	877.098.108.439	692.386.724.024

Chi tiết Đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 30/6/2013 như sau:

	Mối quan hệ	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Công ty con	30.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	Công ty con	85.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Công ty con	150.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	Công ty con	70.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Công ty con	200.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Công ty con	10.000.000.000	100%
Cộng		545.000.000.000	

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là khoản đầu tư vào Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy với tỷ lệ vốn góp chiếm 30% vốn chủ sở hữu.

Đầu tư dài hạn khác là khoản cho Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long vay với lãi suất bình quân là khoảng 14%/năm.

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

Là khoản chi phí sửa chữa văn phòng đi thuê tại số 149, Nguyễn Văn Cừ chờ phân bổ.

5.10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chênh lệch tạm thời từ chi phí trích trước cho khu đất Long Kim 2	3.526.679.708	3.526.679.708
Chênh lệch tạm thời từ khoản chuyển lỗ trong kỳ	1.086.438.729	-
Cộng	4.613.118.437	3.526.679.708

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay ngắn hạn ngân hàng, được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xăng Dầu Petrolimex (PGB) – Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 149/201/HMTD/NH-PN/PGB ngày 29 tháng 3 năm 2011. Hạn mức vay là 300.000.000.000 VND và/ hoặc USD có giá trị tương đương. Lãi suất vay là 8%/năm đối với USD. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động; phát hành L/C; Bảo lãnh mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, cá tra nguyên liệu chế biến xuất khẩu, phân bón. Số dư tại thời điểm 30/6/2013 là 14.370.770,00 USD (tương đương 302.303.517.720 đồng). Tài sản thế chấp cho các khoản vay này là Bất động sản, động sản và các giấy tờ có giá với tổng trị giá tài sản thế chấp là 425.506.492.000 đồng – xem thêm mục 5.7
- Vay ngắn hạn ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Long An theo hợp đồng tín dụng số 03/CV/0210/TDC/11LD ngày 27/4/2012. Hạn mức vay là 50.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Lãi suất vay là 10%/năm đối với VND và 6,5%/năm đối với USD. Mục đích vay là nhằm bổ sung vốn lưu động kinh doanh, chế biến thủy hải sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Bán buôn: thực phẩm, nông, lâm sản nguyên liệu và kinh doanh phân bón các loại,.... Số dư tại thời điểm ngày 30/6/2013 là 3.303.016.290 đồng và 1.090.000,00 USD (tương đương 22.929.240.000 đồng). Tài sản thế chấp cho khoản vay này là Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23/3/2011 – xem thêm mục 5.7

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	36.835.673.048	13.448.715.162
Người mua trả tiền trước	19.828.358.247	20.797.268.741
Tổng cộng	56.664.031.295	34.245.983.903

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	2.053.726.712	436.436.714
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	2.424.135.158	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	948.322.118	948.322.118
Thuế thu nhập cá nhân	19.896.801	16.654.450
Các khoản phí, lệ phí	3.232.117.722	3.123.478.823
Tổng cộng	8.678.198.511	4.524.892.105

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	2.430.617.753	2.011.909.225
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Tổng cộng	20.944.408.260	20.525.699.732

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	21.117.920	19.402.000
Bảo hiểm xã hội	33.028.254	34.845.841
Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.162.000
Phải trả cho các công ty con – xem thêm mục 7	158.695.474.280	106.013.739.225
Phải trả tiền vay Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy – xem thêm mục 7	11.159.443.935	13.469.443.935
Phải trả tiền tạm mượn Công ty CP Thanh Mỹ	6.170.868.585	6.408.868.585
Phải trả tiền tạm mượn Ông Phạm Phúc Toại – xem thêm mục 7	5.827.972.239	8.451.812.779
Phải trả tiền tạm mượn bà Phạm Thúy An – xem thêm mục 7	7.783.000.000	7.783.000.000
Phải trả tiền tạm mượn bà Lê Thanh Tuyền	76.064.000.000	-
Phải trả tiền tạm mượn bà Lê Ngọc Diệp	618.456.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	231.753.214	244.562.868
Tổng cộng	266.605.114.427	142.428.837.233

5.16. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ thuê kho của công ty TMHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long theo hợp đồng thuê kho số 22/HĐTK/08 ngày 1 tháng 12 năm 2008. Thời hạn thuê là 5 năm.

5.17. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản doanh thu nhận trước của hoạt động kinh doanh bất động sản.

(Xem tiếp trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	443.753.850.000	(7.500.000.000)	30.794.734.299	74.273.802.566	541.322.386.865
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	37.900.651.388	37.900.651.388
Trích quỹ	-	-	5.657.467.503	(11.943.542.506)	(6.286.075.003)
Chia cổ tức	-	-	-	(48.652.312.500)	(48.652.312.500)
Số dư đầu năm nay	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.452.201.802	51.578.598.948	524.284.650.750
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(3.259.316.188)	(3.259.316.188)
Trích quỹ	-	-	27.541.274	(58.142.690)	(30.601.416)
Chia cổ tức	-	-	-	(45.000)	(45.000)
Số dư cuối kỳ	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	48.261.095.070	520.994.688.146

(Xem tiếp trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	443.753.850.000
Tổng cộng	443.753.850.000	443.753.850.000

5.18.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	44.375.385	44.375.385
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(150.000)	(150.000)
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	44.225.385	44.225.385

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phần

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS) được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	52.507.385.380	18.963.589.200
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng đất	675.551.818	224.863.635
Doanh thu hoạt động khác	2.819.837.272	1.978.153.855
Hàng bán bị trả lại	(1.664.308.311)	(246.574.286)
Doanh thu thuần	54.338.466.159	20.920.032.404

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	51.868.439.603	18.698.226.760
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng đất	(195.860.844)	433.207.655
Giá vốn hoạt động khác	2.593.681.628	1.126.299.251
Tổng cộng	54.266.260.387	20.257.733.666

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	4.985.534	312.900.944
Lợi nhuận chuyển từ các công ty con	-	33.000.000.000
Thu lãi cho vay từ các công ty con	18.559.750.199	22.217.483.288
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	443.606	82.186.359
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	217.267.322	1.217.511.081
Tổng cộng	18.782.446.661	56.830.081.672

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	14.730.974.075	19.213.535.431
Chiết khấu thanh toán	-	25.190.700
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	910.157.972	3.109.321.918
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.520.076.121	32.985.966
Tổng cộng	18.161.208.168	22.381.034.015

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	2.204.836.681	2.928.648.861
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.466.679	45.170.778
Chi phí khấu hao	1.351.303.342	1.547.873.297
Thuế, phí và lệ phí	45.389.945	40.751.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.053.032.571	463.662.159
Chi phí bằng tiền khác	817.948.573	1.020.689.309
Tổng cộng	5.489.977.791	6.046.795.768

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Chuyển quyền sử dụng đất	Hoạt động khác	Cộng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(742.232.792)	(3.603.522.125)	(4.345.754.917)
Các khoản điều chỉnh giảm :	-	(605.055)	(605.055)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(605.055)	(605.055)
Các khoản điều chỉnh tăng :	-	252.727.273	252.727.273
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.172.718	5.172.718
+ Chi phí không hợp lệ	-	247.554.555	247.554.555
Lợi nhuận chịu thuế	(742.232.792)	(3.351.399.907)	(4.093.632.699)
Thuế suất phổ thông	25%	25%	
Thuế phải nộp 6 tháng đầu năm 2013	-	-	-

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: chi phí không có hóa đơn, chứng từ hợp lý hợp lệ, chi phí không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh,...

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chênh lệch tạm thời từ khoản chuyển lỗ trong kỳ	(4.345.754.917)	25%	(1.086.438.729)
Tổng cộng	(4.345.754.917)		(1.086.438.729)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hàng thương mại đã bán	50.867.141.900	18.953.243.815
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.088.812.223	-
Chi phí nhân công	2.204.836.681	2.928.648.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.657.223.152	1.853.793.107
Chi phí dự phòng	(77.055.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.417.849.389	463.662.159
Chi phí khác bằng tiền	962.023.073	1.618.202.444
Tổng cộng	60.120.831.418	25.817.550.386

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các cá nhân, đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty hoặc cá nhân

Mối quan hệ

- | | |
|--|------------------|
| 1. Ông Phạm Phúc Toại | Tổng Giám đốc |
| 2. Bà Phạm Thúy An | Con của Tổng GD |
| 3. Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long | Công ty con |
| 4. Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long | Công ty con |
| 5. Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long | Công ty con |
| 6. Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long | Công ty con |
| 7. Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long | Công ty con |
| 8. Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long | Công ty con |
| 9. Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy | Công ty liên kết |

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau – xem thêm mục 5.2:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	72.115.321.417	-
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	81.818.181	2.179.359.348
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	6.014.327.457	6.014.327.457
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	121.467.293.852	272.753.822.299
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	542.000.000	542.000.000
Tổng cộng	200.220.760.907	281.489.509.104

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau – xem thêm mục 5.15:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả tiền tạm mượn từ ông Phạm Phúc Toại	5.827.972.239	8.451.812.779
Phải trả tiền tạm mượn từ bà Phạm Thúy An	7.783.000.000	7.783.000.000
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	56.667.893.860	34.803.556.920
Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	36.210.877.021	42.879.877.021
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	129.569.792	1.152.197.784
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	34.485.186.107	-
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	2.519.840.000	996.000.000
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	28.682.107.500	26.182.107.500
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	11.159.443.935	13.469.443.935
Tổng cộng	183.465.890.454	135.717.995.939

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng	106.489.681.300	22.331.031.612
Mua hàng	-	6.712.671.376
Cho các bên liên quan thuê kho và văn phòng	478.449.000	-
Các bên liên quan tạm mượn tiền	190.249.471.417	93.267.587.776
Phải thu tiền lãi cho các bên liên quan vay	18.559.750.199	-
Tạm mượn tiền	86.250.186.107	79.921.319.620
Phải trả tiền thi công công trình	1.815.044.700	-
Tiền lãi vay phải trả	942.616.104	1.661.163.882

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất bình quân là khoảng 13%/năm và khoản cho vay đối với các bên liên quan có lãi suất bình quân là 14%/năm.

- Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập của Ban Giám đốc	662.060.154	536.655.000
Tổng cộng	662.060.154	536.655.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	392.126.313	643.147.175
Phải thu khách hàng và phải thu khác	254.694.641.784	314.437.718.084
Tổng cộng	255.086.768.097	315.080.865.259
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	328.535.774.010	348.959.131.196
Phải trả người bán và phải trả khác	303.154.888.087	155.575.579.686
Chi phí phải trả	20.944.408.260	20.525.699.732
Phải trả dài hạn khác	656.898.000	656.898.000
Tổng cộng	653.291.968.357	525.717.308.614

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	16.885.752,39	15.133.057,00	4.574,91	3.566,33

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Vay ngắn hạn	328.535.774.010	-	328.535.774.010
Phải trả người bán và phải trả khác	303.154.888.087	-	303.154.888.087
Chi phí phải trả	2.430.617.753	18.513.790.507	20.944.408.260
Phải trả dài hạn khác	-	656.898.000	656.898.000
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Vay ngắn hạn	348.959.131.196	-	348.959.131.196
Phải trả người bán và phải trả khác	155.575.579.686	-	155.575.579.686
Chi phí phải trả	2.011.909.225	18.513.790.507	20.525.699.732
Phải trả dài hạn khác	-	656.898.000	656.898.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	228.562.070.582	26.132.571.202	254.694.641.784

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	287.498.340.002	26.939.378.082	314.437.718.084

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 08 tháng 7 năm 2013.

Long An, ngày 08 tháng 7 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ CẨM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC



TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
HOÀNG LONG

PHẠM PHÚC TOẠI